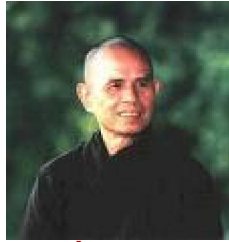


KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC



HT. Nhất Hạnh Dịch

Nguồn

<http://www.thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 21-6-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Giới Thiệu

Kinh Bát Đại Nhân Giác do ngài An Thế Cao dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán, vào thời Hậu Hán đời vua Hán Hoàn Đế, niên hiệu Kiến Hòa năm thứ 2 (148 CN). Ngài là Thái tử xứ An Tức (Parthie), nay một phần thuộc Ba Tư (Persia, Iran) một phần thuộc A Phú Hãn (Afghanistan). Lúc bấy giờ Đạo Phật từ Ấn Độ truyền sang rất thịnh hành trong vùng đó. Ngài xuất gia tu học, tinh thông kinh điển. Sau đó, ngài đi Trung Hoa hoằng hóa Phật Pháp và dịch quyển kinh này sang chữ Hán. Đây là bài kinh số 779 trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (Hán Tạng).

Dưới đây là bản dịch và chú giải của HT Thích Nhất Hạnh

Là đệ tử Phật thì nên hết lòng, ngày cũng như đêm, đọc tụng và quán niệm về tám điều mà các bậc đại nhân đã giác ngộ.

Thứ Nhất là giác ngộ rằng cuộc đời là vô thường, chế độ chính trị nào cũng dễ sụp đổ, những cấu tạo của bốn đại [1] đều trống rỗng và có tác dụng gây đau khổ, con người do tập hợp của năm ấm [2] mà có, lại không có thực ngã, sinh diệt thay đổi không ngừng, hư ngụy và không có thực quyền. Trong khi đó thì tâm ta lại là nguồn suối

phát sinh điều ác và thân ta thì là một nơi tích tụ của tội lỗi. Quán chiếu như trên thì dần dần thoát được cõi sinh tử.

Thứ Hai là giác ngộ rằng càng lắm ham muốn thì lại càng nhiều khổ đau, rằng bao nhiêu cực nhọc trong cõi sinh tử đều do ham muốn mà có. Trong khi đó người ít ham muốn thì không bị hoàn cảnh sai sử, lại cảm thấy thân mình và tâm mình được thư thái.

Thứ Ba là giác ngộ rằng vì tâm ta rong ruổi chạy theo danh lợi không bao giờ biết chán cho nên tội lỗi cũng theo đó mà càng ngày càng lớn. Các bậc Bồ Tát [3] thì khác hẳn: họ luôn luôn nhớ nghĩ đến phép tri túc, an vui sống với đạm bạc để hành đạo và xem sự nghiệp duy nhất của mình là sự thực hiện trí tuệ giác ngộ.

Thứ Tư là giác ngộ rằng tính lười biếng đưa đến chỗ đọa lạc; vì vậy con người phải chuyên cần hành đạo, phá giấc phiên não, hàng phục bốn loài ma, và ra khỏi ngục tù của năm ấm và ba giới [4].

Thứ Năm là giác ngộ rằng chính vì vô minh nên mới bị giam hãm trong cõi sinh tử. Các vị Bồ Tát thì thường xuyên nhớ rằng phải học rộng, biết nhiều, phát triển trí tuệ, đạt được biện tài để giáo hoá cho mọi người, để cho tất cả đạt tới niềm vui lớn.

Thứ Sáu là giác ngộ rằng vì nghèo khổ cho nên người ta sinh ra nhiều oán hận và căm thù, và vì thế lại tạo thêm những nhân xấu. Các vị Bồ Tát biết thế cho nên chuyên tu phép bố thí, coi kẻ ghét người thương như nhau, bỏ qua những điều ác mà người khác đã làm đối với mình và không đem tâm ghét bỏ những ai đã làm ác.

Thứ Bảy là giác ngộ rằng năm thứ dục vọng [5] đã gây nên tội lỗi và hoạn nạn. Người xuất gia tuy là người sống trong thế tục nhưng không nhiễm theo cái vui phàm tục, thường quán niệm rằng tài sản của mình chỉ là ba chiếc áo cà sa và một chiếc bình bát, tất cả đều là pháp khí, rằng chí nguyện xuất gia của mình là sống thanh bạch để hành đạo, giữ phạm hạnh cho thanh cao và đem lòng từ bi để tiếp xử với tất cả mọi người.

Thứ Tám là giác ngộ rằng vì lửa sinh tử cháy bừng cho nên mọi loài đang chịu biết bao niềm thống khổ. Biết vậy cho nên ta phải phát tâm Đại Thừa, nguyện cứu tế cho tất cả mọi người, nguyện thay thế cho

mọi người mà chịu khổ đau vô lượng, khiến cho tất cả chúng sinh đều đạt tới niềm vui cứu cánh.

Tám điều nói trên là những điều giác ngộ của các bậc đại nhân, Phật và Bồ Tát; những vị này đang tinh tiến hành đạo, tu tập từ bi và trí tuệ, đã cưỡi thuyền pháp thân đến được Niết Bàn. Khi trở về lại cõi sinh tử độ thoát cho chúng sinh, họ đều dùng tám điều giác ngộ ấy để khai mở và chỉ đường cho mọi người, khiến chúng sanh ai cũng giác ngộ được cái khổ của sinh tử, lìa bỏ được ngũ dục và hướng tâm vào con đường thánh .

Nếu đệ tử Phật mà thường đọc tụng tám điều này thì mỗi khi quán niệm diệt được vô lượng tội, tiến tới giác ngộ, mau lên chính giác, vĩnh viễn đoạn tuyệt với sinh tử, thường trú trong sự an lạc.

*Bản dịch và Chú thích của HT. Thích Nhất Hạnh:
(Trích: "Nghĩ Thức Tụng Niệm", NXB Lá Bối, California, 1989)*

Chú Thích :

Bốn Đại là bốn nguyên tố hay là bốn chất cấu thành vũ trụ. Bốn đại gồm có: Địa đại, Thủy đại, Hỏa đại, và Phong đại.

Năm ấm là sắc, thọ, tưởng, hành, và thức. Sắc là thân thể có hình có sắc. Thọ là cảm thọ vui buồn. Tưởng là tri giác bằng hình ảnh tưởng tượng lại. Hành là dụng tâm làm việc này hay việc khác. Thức là phân biệt, hay biết. Năm ấm cũng còn gọi là năm uẩn.

Bồ Tát là dịch âm từ chữ Phạn, dịch âm đầy đủ là Bồ đề tát đỏa, có nghĩa là giác hữu tình Bồ Tát là người, sau khi tin Phật, học Phật, phát nguyện tự độ, độ tha, thậm chí hy sinh cả bản thân mình để cứu giúp người. Muốn làm Bồ Tát trước hết phải có tâm nguyện lớn, chủ yếu là bốn lời nguyện: "Chúng sinh vô biên thề nguyện độ, phiền não vô tận thề nguyện đoạn, Pháp môn vô lượng thề nguyện học, Phật đạo vô thượng thề nguyện thành". Mọi người từ khi phát tâm cho đến khi thành Phật được gọi là Bồ Tát, vì vậy mà có phân ra Bồ Tát phàm phu và Bồ Tát hiền thánh. Các vị Bồ Tát được nói tới trong các kinh Phật thường là các vị Bồ Tát hiền thánh.

Ba giới là dục giới, sắc giới, và vô sắc giới, là ba cõi sống của chúng sinh: Loài người thuộc về dục giới, cõi sống của chúng sinh còn có

lòng tham dục. Sắc giới là cõi sống của loài Trời. Ở cõi Trời sắc giới này, chúng sinh đã thoát khỏi mọi lòng dục, nhưng vẫn còn sắc thân. Vô sắc giới là cõi gồm những chúng sinh, không những không còn có lòng dục mà cũng không còn có sắc thân nữa, chỉ còn có tinh thần thuần túy mà thôi.

Năm thứ dục vọng là năm thứ ham muốn: sắc, thanh , hương , vị, và xúc .

HẾT